

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP. HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1852* /CT-TTHT
V/v Thuế suất thuế giá trị gia tăng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày *11* tháng *12* năm *2020*

Kính gửi: Công ty TNHH Lô-gi-stic hàng không biển toàn cầu Việt Nam

Địa chỉ: Số 7 Hát Giang, phường 2, quận Tân Bình

Mã số thuế: 0306454931

Trả lời văn thư số 01/2020/CV-ASW không ghi ngày của Công ty (Cục Thuế TP nhận ngày 11/12/2020) về thuế suất thuế GTGT, Cục Thuế TP có ý kiến như sau:

Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam (gọi tắt là thuế nhà thầu),

Căn cứ Mục I văn bản số 6142/BTC-CST ngày 09/5/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chính sách thuế đối với giá và khoản phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển bằng đường biển của hãng tàu nước ngoài:

“1. Đối với khoản phụ thu được coi là giá dịch vụ vận chuyển bằng đường biển

Các khoản phụ thu được coi là giá dịch vụ vận chuyển bằng đường biển (sau đây gọi là khoản phụ thu theo giá dịch vụ vận chuyển bằng đường biển) là giá dịch vụ vận chuyển bằng đường biển phụ (Surcharges) có tác dụng bù đắp trực tiếp vào giá dịch vụ vận chuyển bằng đường biển chính (Freight) mỗi khi có những biến động lớn làm giảm nguồn thu của người vận chuyển từ giá dịch vụ vận chuyển bằng đường biển và sẽ mất đi khi biến động mất đi, đồng thời phải do người thanh toán giá dịch vụ vận chuyển bằng đường biển (người có quyền thuê tàu - xuất CIF, nhập FOB) thanh toán, bao gồm: phụ thu dịch vụ xếp dỡ container (THC); phụ thu cước xăng dầu EBS/BUC/FRC; phụ thu mất cân bằng container; phụ thu (ASC-STS-ARS-EBS) theo giá dịch vụ vận chuyển bằng đường biển; phụ thu biến động tỷ giá tiền tệ; phụ thu tắc nghẽn cảng, phụ thu mùa cao điểm; phụ thu vận tải mùa đông; phụ thu thời tiết xấu; phụ thu rủi ro khẩn cấp (ERC); phụ thu rủi ro chiến tranh.

Tại Điểm b, Khoản 3 Điều 2 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định: Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tại

Việt Nam mua dịch vụ của tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cá nhân ở nước ngoài là đối tượng không cư trú tại Việt Nam, bao gồm các trường hợp: Sửa chữa phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị (bao gồm cả vật tư, phụ tùng thay thế); quảng cáo, tiếp thị; xúc tiến đầu tư và thương mại; môi giới bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; đào tạo; chia cước dịch vụ bưu chính, viễn thông quốc tế giữa Việt Nam với nước ngoài mà các dịch vụ này được thực hiện ở ngoài Việt Nam thuộc đối tượng không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT).

Tại Điểm b.6 Khoản 1 Điều 13 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam quy định: “b.6) Doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) của hãng vận tải biển nước ngoài là toàn bộ tiền cước thu được từ hoạt động vận chuyển hành khách, vận chuyển hàng hóa và các khoản phụ thu khác mà hãng vận tải biển được hưởng từ cảng xếp hàng của Việt Nam đến cảng cuối cùng bốc dỡ hàng hóa đó (bao gồm cả tiền cước của các lô hàng phải chuyển tải qua các cảng trung gian) và/hoặc tiền cước thu được do vận chuyển hàng hóa giữa các cảng Việt Nam.

Tiền cước vận chuyển làm căn cứ tính thuế TNDN không bao gồm tiền cước đã tính thuế TNDN tại cảng Việt Nam đối với chủ tàu nước ngoài và tiền cước trả cho doanh nghiệp vận tải Việt Nam do đã tham gia vận chuyển hàng từ cảng Việt Nam đến một cảng trung gian”.

Điểm a Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 103/2014/TT-BTC quy định tỷ lệ (%) thuế TNDN trên doanh thu tính thuế đối với vận chuyển (bao gồm vận chuyển đường biển, vận chuyển hàng không) là 2%.

Căn cứ vào các quy định nêu trên thì khoản phụ thu theo giá dịch vụ vận chuyển bằng đường biển của hãng tàu nước ngoài không thuộc đối tượng phải kê khai, tính nộp thuế GTGT; khoản phụ thu theo giá dịch vụ vận chuyển bằng đường biển đối với chiều từ Việt Nam đi nước ngoài (bên Việt Nam xuất khẩu hàng hóa theo điều kiện CIF) thuộc đối tượng áp dụng thuế TNDN với tỷ lệ 2% trên doanh thu. Trường hợp bên Việt Nam nhập khẩu hàng hóa theo điều kiện FOB thì khoản phụ thu theo giá dịch vụ vận chuyển bằng đường biển không phải kê khai, tính nộp thuế TNDN.

2. Đối với khoản phụ thu khác ngoài giá dịch vụ vận chuyển bằng đường biển (phụ thu chi phí phát sinh)

Các Khoản phụ thu khác ngoài giá dịch vụ vận chuyển bằng đường biển của các hãng tàu nước ngoài bao gồm:

- Các khoản phụ thu mà doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam phải trả cho các hãng tàu nước ngoài không thuộc các khoản nêu tại Điểm 1;

- Các khoản phụ thu nêu tại Điểm 1 trong trường hợp bên Việt Nam xuất FOB, nhập CIF nhưng lại phải trả cho các hãng tàu nước ngoài.

Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 103/2014/TT-BTC quy định về đối tượng áp dụng thông tư như sau: “Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam”.

Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 103/2014/TT-BTC quy định đối tượng không áp dụng thuế nhà thầu bao gồm: “3. Tổ chức, cá nhân nước ngoài có thu nhập từ dịch vụ được cung cấp và tiêu dùng ngoài Việt Nam.”

Điểm a Khoản 2 Điều 12, Điểm a Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 103/2014/TT-BTC quy định tỷ lệ (%) thuế GTGT trên doanh thu tính thuế đối với dịch vụ là 5%, tỷ lệ (%) thuế TNDN trên doanh thu tính thuế đối với dịch vụ là 5%.

Điểm b2 Khoản 1 Điều 13 Thông tư số 103/2014/TT-BTC quy định: “Trường hợp Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng với Nhà thầu phụ Việt Nam hoặc Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện nộp thuế theo phương pháp kê khai hoặc Nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế theo phương pháp hỗn hợp để giao bớt một phần giá trị công việc hoặc hạng mục được quy định tại Hợp đồng nhà thầu ký với Bên Việt Nam và danh sách các Nhà thầu phụ Việt Nam, Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện phần công việc hoặc hạng mục tương ứng được liệt kê kèm theo Hợp đồng nhà thầu thì doanh thu tính thuế TNDN của Nhà thầu nước ngoài không bao gồm giá trị công việc do Nhà thầu phụ Việt Nam hoặc Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện”.

Căn cứ vào các quy định nêu trên và quy định tại Điểm b, Khoản 3 Điều 2 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP, trường hợp các khoản phụ thu khác ngoài giá dịch vụ vận chuyển bằng đường biển mà hãng tàu nước ngoài được hưởng từ dịch vụ được thực hiện ngoài Việt Nam thì không thuộc đối tượng nộp thuế nhà thầu (thuế GTGT, thuế TNDN) tại Việt Nam, trường hợp dịch vụ thực hiện tại Việt Nam thì thuộc đối tượng áp dụng thuế nhà thầu tại Việt Nam, cụ thể: Nộp thuế GTGT theo tỷ lệ 5% trên doanh thu và nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 5% trên doanh thu. Trường hợp hãng tàu nước ngoài thuê lại các công ty Việt Nam thực hiện một số dịch vụ ở Việt Nam thì doanh thu của hãng tàu nước ngoài không bao gồm giá trị công việc do bên Việt Nam thực hiện.”

Trường hợp Công ty mua dịch vụ của hãng tàu nước ngoài thì các khoản phụ phí trả cho hãng tàu nước ngoài theo quy định tại Điểm 1 Mục I văn bản số 6142/BTC-CST được coi là giá dịch vụ vận chuyển bằng đường biển, không thuộc đối tượng phải kê khai, tính nộp thuế GTGT.

Trường hợp các khoản phụ thu phải trả cho các hãng tàu nước ngoài không thuộc các khoản nêu tại Điểm 1 Mục I văn bản số 6142/BTC-CST mà hãng tàu nước ngoài được hưởng từ dịch vụ được thực hiện ngoài Việt Nam thì không thuộc đối tượng nộp thuế nhà thầu (thuế GTGT, thuế TNDN) tại Việt Nam, trường hợp dịch vụ thực hiện tại Việt Nam thì thuộc đối tượng áp dụng thuế nhà thầu tại Việt Nam, cụ thể: Nộp thuế GTGT theo tỷ lệ 5% trên doanh thu và nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 5% trên doanh thu.

Cục Thuế TP thông báo Công ty biết để thực hiện theo đúng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đã được trích dẫn tại văn bản này. *pho*

Nơi nhận: *pho*

- Như trên;
 - Phòng TTKT6;
 - Phòng NVDTPC;
 - Lưu: VT, TTHT.
- 2837/2020-ttquynh (03b)

150185

